BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐẠI HỌC HUẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC

BÁO CÁO 3 CÔNG KHAI
NĂM HỌC 2017-2018

TP. Huế, tháng 12 năm 2017

ĐẠI HỌC HUẾ **TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Biểu mẫu 20

THÔNG BÁO

Công khai cam kết chất lượng đào tạo của cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng năm học 2017-2018

I. Điều kiện tuyển sinh cho các ngành

1) Đối với hệ Đại học Chính quy:

- Học sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông và tương đương.
- Vùng tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.
- Khối thi: Khối A đối với ngành Dược học, Khối B đối với các ngành còn lại.
- Ngày thi và môn thi: theo quy định của Bộ GD&ĐT.
- Điểm xét tuyển theo ngành.

2) Thạc sỹ:

Quyết định số 02/21/QĐ-BGD&ĐT ngày 29/01/2001 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh sau đại học; Quyết định số 19/2002/QĐ-BGD&ĐT ngày 09/04/2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều trong Quy chế tuyển sinh sau đại học; Quyết định số 16/2003/QĐ&ĐT ngày 09/4/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tuyển sinh sau đại học, Quyết định số 11/2004/QĐ-BGD&ĐT ngày 21/4/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều trong Quy chế tuyển sinh sau đại học; Thông tư số 15/2014/TT-BGD ĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế đào tạo trình độ thạc sỹ; Quyết định số 2575/QĐ-ĐHYD ngày 12/10/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược – Đại học Huế về việc ban hành quy định đào tạo trình độ thạc sỹ; Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên; Quyết định số 1389/QĐ-ĐHH ngày 10 tháng 7 năm 2014 của Giám đốc Đại học Huế ban hành Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Huế, các trường đại học thành viên và đơn vị trực thuộc.Thông tư 25/2017/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 10/10/2017 về việc Ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sỹ, tiến sỹ.

3) Tiến sỹ:

Quyết định số 02/21/QĐ-BGD&ĐT ngày 29/01/2001 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh sau đại học; Quyết định số 19/2002/QĐ-BGD&ĐT ngày 09/04/2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều trong Quy chế tuyển sinh sau đại học; Quyết định số 16/2003/QĐ&ĐT ngày 09/4/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tuyển sinh sau đại học, Quyết định số 11/2004/QĐ-BGD&ĐT ngày 21/4/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều trong Quy chế tuyển sinh sau đại học; Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20/03/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên; Quyết định số 1389/QĐ-ĐHH ngày 10/07/2014 của Giám đốc Đại học Huế ban hành Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Huế, các trường đại học thành viên và đơn vị trực thuộc. Thông tư 08/2017/TT-BGD-ĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo ngày 04/04/2017 về việc Ban hành quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sỹ. Quyết định số 1019/QĐ-ĐHH ngày 19/09/2017 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ tiến sỹ.

Thông tư 25/2017/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo ngày 10/10/2017 về việc Ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sỹ, tiến sỹ.

II. Điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục cam kết phục vụ người học (như phòng học, trang thiết bị, thư viện…)

Có đầy đủ điều kiện cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu đào tạo Đại học và Sau Đại học của Nhà Trường, chi tiết xem ở **biểu mẫu 22**

III. Đội ngũ Giảng viên

Có đầy đủ đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học cơ hữu đáp ứng yêu cầu đào tạo Đại học và Sau Đại học của Nhà trường, chi tiết xem ở **biểu mẫu 23**

IV. Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của người học ở cơ sở giáo dục

1. Người học được đảm bảo chế độ chính sách xã hội, được khám sức khỏe, được hỗ trợ trong việc học tập và sinh hoạt

Thông qua "Tuần sinh hoạt công dân - học sinh sinh viên đầu năm học", đợt “Học tập nội quy, quy chế đầu khóa học” và các đợt giao ban công tác sinh viên trong mỗi học kỳ, Nhà trường đã phổ biến và cập nhật đầy đủ, kịp thời về các chế độ chính sách xã hội cho sinh viên bao gồm: chế độ học bổng khuyến khích học tập, học bổng tài trợ, miễn giảm học phí, trợ cấp xã hội, bảo hiểm y tế,

và các chế độ chính sách khác theo quy định của Bộ GD&ĐT. Hệ thống văn bản liên quan đến chế độ chính sách cho người học được phổ biến rộng rãi đến từng người học thông qua sử dụng kết hợp nhiều kênh thông tin khác nhau như trang Web, hệ thống email lớp, tập văn bản và gửi trực tiếp đến từng lớp theo đường công văn nên đảm bảo tất cả người học đều được thông báo đầy đủ, kịp thời và chính xác. Bên cạnh việc cải tiến nâng cao CTĐT, đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng lấy sinh viên làm trung tâm, Nhà trường cũng luôn quan tâm và tích cực thực hiện các biện pháp nhằm hỗ trợ sinh viên học tập tốt và rèn luyện tốt.

- Xét miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, trợ cấp xã hội, học bổng khuyến khích học tập, học bổng tài trợ:

Học kỳ I:

+ *Miễn giảm học phí: 320 sinh viên.*

+ *Hỗ trợ chi phí học tập: 10 sinh viên*

+ *Trợ cấp xã hội: 317 sinh viên*

+ *Chính sách đối với người khuyết tật: 01 sinh viên*

+ *Xét cấp học bổng khuyến khích: 499 sinh viên*

Học kỳ II:

+ *Miễn giảm học phí: 323 sinh viên*

+ *Hỗ trợ chi phí học tập: 13 sinh viên*

+ *Trợ cấp xã hội: 419 sinh viên*

+ *Xét cấp học bổng khuyến khích: 488 sinh viên*

Công tác xét cấp học bổng khuyến khích học tập được thực hiện nghiêm túc, đảm bảo trích đầy đủ 8% nguồn thu học phí để cấp học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên theo quy định của Bộ GD&ĐT. Ngoài học bổng khuyến khích học tập trích từ nguồn thu học phí theo quy định của Bộ GD&ĐT, Nhà trường cũng đã chủ động vận động và tìm kiếm nhiều nguồn kinh phí từ các tổ chức, cá nhân, cựu sinh viên trong và ngoài nước thông qua đối ngoại và hợp tác quốc tế để hỗ trợ cho những sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, có thành tích học tập và rèn luyện xuất sắc. Trong năm học 2016-2017, Nhà trường đã xét cấp gần 150 suất học bổng tài trợ với tổng số tiền gần 800 triệu đồng. Việc xét duyệt, trao học bổng cho sinh viên được thực hiện công khai, dân chủ và đúng đối tượng đảm bảo đúng quy trình xét duyệt từ cơ sở (tập thể lớp).

Tất cả sinh viên đều được tham gia bảo hiểm y tế, được khám và điều trị bảo hiểm y tế tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược - Đại học Huế. Tỷ lệ sinh

viên tham gia bảo hiểm y tế năm học 2016-2017 đạt 96,7%, ngay từ đầu khóa học 100% sinh viên đều được khám sức khỏe khi nhập học, được hướng dẫn chăm sóc sức khỏe ban đầu tại Phòng Y tế học đường.

Nhà trường đã tăng cường công tác tư vấn tâm lý, tư vấn giáo dục cho sinh viên nhằm giúp sinh viên giải quyết những khó khăn trong học tập và rèn luyện. Kể từ năm học 2016-2017, Nhà trường đã chuyển Phòng chăm sóc sức khỏe ban đầu tại Bệnh viện Trường về trực thuộc Phòng CTSV để tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên thực hiện trong công tác bảo hiểm y tế và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho sinh viên. Khi cần khám chuyên khoa, sinh viên luôn được làm thủ tục chuyển khám tuyến trên một cách nhanh chóng và thuận tiện.

+ Tổ chức kế hoạch khám sức khỏe cho 1580 sinh viên mới nhập học.

+ Khám và cấp thuốc thiết yếu cho sinh viên đối với một số bệnh thông thường hoặc tư vấn và giới thiệu cho sinh viên khám chữa bệnh ở tuyến trên.

+ Tư vấn chăm sóc sức khỏe ban đầu về sức khỏe tâm lý, tâm thần, sức khỏe tình dục – giới cho 2638 sinh viên.

Hằng năm, Nhà trường đều có quyết định cử giáo viên chủ nhiệm lớp và cố vấn học tập để thường xuyên hỗ trợ và tư vấn, giúp cho sinh viên học tập và rèn luyện tốt hơn *(trong năm học 2016-2017 đã ra Quyết định cử 141 cán bộ giảng viên thuộc các Khoa, Bộ môn tham gia làm giáo viên Chủ nhiệm, Cố vấn học tập để quản lý và ổn định tổ chức các lớp sinh viên).*

Thường xuyên tổ chức tốt các hội nghị đối thoại giữa sinh viên với Ban Giám hiệu và các Phòng chức năng để ghi nhận những phản hồi từ phía người học, kịp thời hỗ trợ, tạo điều kiện tốt cho người học học tập và rèn luyện.

Trung tâm Thông tin - Thư viện thường xuyên tổ chức các khóa tập huấn tìm kiếm tài liệu tham khảo cho sinh viên và học viên. Nhà trường cũng luôn ưu tiên đầu tư hệ thống giảng đường, trang thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập, đầu tư tập trung cho Trung tâm Thông tin - Thư viện, mở giảng đường cho sinh viên ôn tập ngoài giờ, cung cấp hệ thống wifi miễn phí cho toàn thể sinh viên, học viên trong khuôn viên Trường nhằm phục vụ tra cứu tài liệu tham khảo và học tập trực tuyến.

Ngoài ra, Nhà trường luôn phối hợp chặt chẽ với gia đình, cơ quan và chính quyền địa phương để quản lý có hiệu quả và động viên sinh viên học tập tốt hơn, đặc biệt là những sinh viên có kết quả học tập thấp, kịp thời giải thích, cảnh báo sớm để sinh viên và gia đình hiểu rõ kết quả học tập của mình, động viên và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho sinh viên học tập và rèn luyện tốt.

2. Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao và được đảm bảo an toàn trong khuôn viên của nhà trường

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Hội Sinh viên Trường là hai tổ chức đoàn thể được Nhà trường giao nhiệm vụ xây dựng và tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao cho sinh viên. Hằng năm, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Hội Sinh viên Trường đã tổ chức nhiều hoạt động thiết thực có ý nghĩa thu hút đông đảo sinh viên, học viên tham gia như văn nghệ, giải bóng đá, bóng chuyền, bóng bàn, cờ vua, cờ tướng để chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11, ngày Thầy thuốc Việt Nam 27/2, ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3, ngày Thương binh liệt sỹ 27/7 và các ngày lễ lớn. Đội tuyển thể dục thể thao văn hóa văn nghệ sinh viên của Nhà trường cũng tham gia tích cực và luôn đạt giải cao trong các cuộc thi văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao do Đại học Huế và Bộ GD&ĐT tổ chức. Tuy nhiên, do khuôn viên của Nhà trường không thể mở rộng thêm nên các cơ sở hạ tầng phục vụ cho sinh viên rèn luyện thể dục thể thao chưa đáp ứng đủ nhu cầu của sinh viên.

Nhà trường luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi cho sinh viên tham gia các hội nghị, hội thảo chuyên ngành có sự tham gia của chuyên gia trong và ngoài nước để bồi dưỡng và rèn luyện nghề nghiệp như Hội nghị nghiên cứu khoa học sinh viên, Hội nghị tuyên truyền sức khỏe sinh sản, Hội nghị tăng huyết áp, Hội nghị khoa học Festival Huế 2014.... Bên cạnh đó, Nhà trường cũng tạo điều kiện thuận lợi cho người học tham gia các chương trình trao đổi sinh viên với các trường đại học có uy tín trên thế giới như Thái Lan, Phần Lan, Hàn Quốc... Qua đó, sinh viên có cơ hội được tư vấn, học tập, bồi dưỡng phát triển kiến thức và kỹ năng chuyên môn nghề nghiệp. Nhà trường cũng luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi để người học tham gia các hoạt động tình nguyện qua đó giáo dục cho người học về phẩm chất, giá trị và trách nhiệm của bản thân, rèn luyện tư tưởng chính trị, đạo đức người thầy thuốc, ý thức cộng đồng như trong Chiến dịch mùa hè xanh, CLB tình nguyện bệnh viện, CLB tiếng Anh, CLB thầy thuốc trẻ, CLB guitar và đặc biệt là CLB hiến máu nhân đạo và đã xây dựng thành công ngân hàng máu sống. Nhà trường đã đưa học phần tâm lý y học, khoa học hành vi và truyền thông giáo dục sức khỏe (2-4 đơn vị học trình) vào giảng dạy cho sinh viên thuộc tất cả các ngành đào tạo. Kể từ năm học 2015-2016, thực hiện chỉ đạo của Bộ GD&ĐT, Nhà trường đã thường xuyên tổ chức các khóa tư vấn chăm sóc sức khỏe ban đầu cho sinh viên về sức khỏe tâm lý, tâm thần, sức khỏe sinh sản, tình dục. Nhờ đó, sinh viên có cơ hội được học và rèn luyện các kỹ năng sống như: kỹ năng giao tiếp chung, kỹ năng giao tiếp với bệnh nhân và người nhà bệnh nhân, kỹ năng phản hồi, kỹ năng giải thích, kỹ năng đặt câu hỏi,

kỹ năng lắng nghe, kỹ năng quản lý và đối phó với stress, kỹ năng tư vấn... đều được đưa vào giảng dạy lý thuyết và thực hành đóng vai. Thông qua các đợt sinh hoạt đầu năm và đầu khóa, nhiều hoạt động của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Hội Sinh viên có ý nghĩa thiết thực thu hút đông đảo sinh viên tham gia. Qua đó, sinh viên được giáo dục để hiểu rõ giá trị và trách nhiệm bản thân, rèn luyện và phát triển kỹ năng sống.

Môi trường học tập trong Nhà trường được đảm bảo an toàn cho sinh viên. Nhà trường có hệ thống nội quy, quy định về đảm bảo an toàn trong các phòng học, phòng thực hành, phòng thí nghiệm. Hằng năm, Nhà trường đều có quyết định thành lập Ban phòng chống bão lụt và phòng chống cháy nổ. Định kỳ 6 tháng họp Ban 1 lần phối hợp với Công an Phòng cháy chữa cháy của tỉnh Thừa Thiên Huế để kiểm tra và bổ sung quy trình và điều kiện đảm bảo an toàn phòng chống cháy nổ. Đội ngũ cán bộ bảo vệ của Trường gồm có 07 cán bộ thường xuyên trực gác và phối hợp chặt chẽ với công an phường Vĩnh Ninh để xử lý kịp thời nhằm đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho người học và tài sản của Nhà trường. Nhà trường cũng có quyết định thành lập đội Dân quân tự vệ gồm 21 thành viên. Trong đó, Trung Đội trưởng là Phó Hiệu trưởng, 1 Trung Đội phó và 3 Tiểu đội. Đội Dân quân tự vệ có trách nhiệm bảo vệ Nhà trường trong những tình huống khẩn cấp hoặc những ngày nghỉ, ngày lễ lớn, phòng chống bão lụt, phòng chống cháy nổ và bảo vệ Nhà trường.

Ngoài ra, trong các đợt cao điểm và các ngày lễ lớn, Nhà trường thường xuyên thông báo bằng văn bản để hướng dẫn và nhắc nhở sinh viên về đảm bảo an toàn giao thông, phòng chống ma túy và các tệ nạn xã hội, cũng như các vấn đề sức khỏe khác.

3. Có các hoạt động hỗ trợ hiệu quả nhằm tăng tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo

Song song với việc tập trung nâng cao chất lượng đào tạo, Nhà trường luôn chủ động trong công tác quảng bá và giới thiệu việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp. Trong CTĐT của từng ngành Nhà trường đều mô tả rõ chức danh nghề nghiệp và vị trí việc làm cũng như các hình thức học lên cao hơn sau khi tốt nghiệp cho sinh viên. Trước năm 2015, công tác tư vấn và giới thiệu việc làm là một chức năng thuộc Phòng ĐTĐH - CTSV. Từ năm 2016, sau khi tách riêng Phòng CTSV, Nhà trường đã thành lập đơn vị tư vấn và giới thiệu việc làm trực thuộc Phòng CTSV theo quyết định số 2091/QĐ-ĐHYD ngày 18/7/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược - Đại học Huế.

Trong năm học 2016-2017 đã triển khai tổ chức công tác tư vấn định hướng nghề nghiệp cho sinh viên khóa tốt nghiệp năm 2018 với 02 nội dung

chính: Định hướng nghề nghiệp, định hướng học tiếp sau đại học.

Hằng năm, trước khi tổ chức Lễ tốt nghiệp, Nhà trường đều tổ chức Ngày hội giới thiệu việc làm cho sinh viên chuẩn bị tốt nghiệp trong toàn trường. Trong năm học 2016-2017, đã tổ chức Hội nghị tư vấn việc làm cho sinh viên tốt nghiệp năm 2017 vào cuối tháng 05/2017, tổng số nhu cầu tuyển dụng trong đợt này của 43 đơn vị *(Sở Y tế, Bệnh viện, Trung tâm Y tế, các đơn vị y tế của các tỉnh, thành phố)* đăng ký tuyển dụng *(đã có 18 đơn vị tham gia tư vấn trực tiếp tại Trường)* là 1.208 chỉ tiêu (chiếm tỷ lệ nhu cầu tuyển dụng là 90,24% so với số lượng sinh viên tốt nghiệp ra trường), một số đơn vị không hạn chế chỉ tiêu tuyển dụng. Đây là một hoạt động rất có hiệu quả vì đã tạo điều kiện để sinh viên tốt nghiệp và các nhà tuyển dụng có cơ hội tiếp xúc trực tiếp, chia sẻ và trao đổi về chính sách tuyển dụng, chế độ ưu đãi, môi trường và điều kiện làm việc để cho sinh viên có thể lựa chọn nơi làm việc phù hợp với sở trường của bản thân.

- Ngoài ra, Nhà trường cũng đã phát triển mạng lưới bệnh viện vệ tinh cho sinh viên thực hành lâm sàng và thực tập cộng đồng. Đặc biệt là xây dựng mạng lưới bệnh viện tuyến tỉnh từ Quảng Bình đến Ninh Thuận cho sinh viên thực tế tốt nghiệp. Việc tổ chức cho sinh viên đi thực tế tốt nghiệp tại các bệnh viện tuyến tỉnh cũng nhằm mục đích đưa sinh viên về thực tế tại các đơn vị tuyển dụng để sinh viên có thể hiểu rõ hơn về các đơn vị, từ đó có những lựa chọn việc làm phù hợp cho bản thân.

- Qua khảo sát và đánh giá hàng năm, tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 01 năm tốt nghiệp là 95,2%.

4. Thạc sỹ:

Hàng năm tổ chức Hội nghị khoa học Sau đại học cho các học viên Sau đại học. Khuyến khích các học viên Cao học, Bác sỹ nội trú gửi bài tham dự. Tổ chức các Hội nghị khoa học chuyên ngành trong nước và quốc tế mời các nghiên cứu sinh gửi bài báo cáo hoặc tham dự. Mở các lớp đào tạo liên tục nâng cao kiến thức chuyên ngành được trình bày bởi các giáo sư, các nhà khoa học đầu ngành trong và ngoài nước cho các học viên Sau đại học của Nhà trường.

5. Tiến sỹ:

Hội nghị khoa học Sau đại học được tổ chức cho các học viên sau đại học vào tháng 11 hàng năm. Đây là hoạt động bắt buộc đối với Nghiên cứu sinh. Nghiên cứu sinh phải tham dự ít nhất 1 lần, gửi bài nghiên cứu và báo cáo trong Hội nghị. Hội nghị kết hợp đăng bài của học viên tham dự với các bài khoa học có chất lượng trong tạp chí Y Dược của Nhà trường, khuyến khích viết bài và

trình bày bằng tiếng Anh. Tổ chức các Hội nghị khoa học chuyên ngành, liên ngành trong nước và quốc tế mời các nghiên cứu sinh gửi bài báo cáo hoặc tham dự. Mở các lớp đào tạo liên tục nâng cao kiến thức chuyên ngành được trình bày bởi các giáo sư, các nhà khoa học đầu ngành trong và ngoài nước cho các lớp NCS. Dần tiếp cận với các nước trong khu vực bằng cách yêu cầu NCS viết bài báo bằng tiếng Anh và gửi đăng trên tạp chí quốc tế.

V. Yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ, vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp.

Đối với sinh viên đại học: Các yêu cầu về Kiến thức, kỹ năng, thái độ, vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp của sinh viên được nhà trường công bố trong chuẩn đầu ra của các ngành. (Xem chi tiết tai: *http://huemed-univ.edu.vn/chuan-dau-ra-trinh-do-dai-hoc-scdtdh*)

Đối với Học viên Sau đại học: Các yêu cầu về Kiến thức, kỹ năng, thái độ, vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp đã được nhà trường công bố trong chuẩn đầu ra các chuyên ngành. (Xem chi tiết tại: *http://huemed-univ.edu.vn/chuan-dau-ra-trinh-do-sau-dai-hoc-scdtsdh*)

VI. Yêu cầu về trình độ ngoại ngữ

1. Chứng chỉ ngoại ngữ để xét công nhận tốt nghiệp.

a. Ngoại ngữ không chuyên đạt bậc 3/6 (B1) theo khung năng lực ngoại ngữ của đề án ngoại ngữ quốc gia 2020 áp dụng cho các đối tượng sau

- Sinh viên hệ chính quy tuyển sinh đầu vào từ năm 2014 trở về sau:

+ Sinh viên tốt nghiệp năm học 2017-2018 thuộc các ngành có thời gian đào tạo 4 năm: Điều dưỡng, Xét nghiệm y học, Kỹ thuật hình ảnh y học, Y tế công cộng.

+ Sinh viên tốt nghiệp năm học 2018-2019 thuộc các ngành có thời gian đào tạo 4 năm và 5 năm: Điều dưỡng, Xét nghiệm y học, Kỹ thuật hình ảnh y học, Y tế công cộng, Dược học.

+ Sinh viên tốt nghiệp từ năm học 2019-2020 trở đi thuộc tất cả các ngành đào tạo chính quy.

- Sinh viên hệ liên thông chính quy các ngành Y đa khoa, Y học cổ truyền, Y học dự phòng, Dược học tuyển sinh năm 2016 (tốt nghiệp từ năm học 2019-2020 trở đi).

+ Sinh viên hệ liên thông chính quy từ cao đẳng các ngành Điều dưỡng, Xét nghiệm y học, Kỹ thuật hình ảnh y học tuyển sinh năm 2016 (tốt nghiệp từ năm học 2019-2020 trở đi).

b. Ngoại ngữ không chuyên đạt bậc 2/6 (A2) theo khung năng lực ngoại ngữ của đề án ngoại ngữ quốc gia 2020 áp dụng cho các đối tượng sau:

- Sinh viên hệ liên thông chính quy tốt nghiệp năm học 2017-2018 và năm học 2018-2019.

2. Văn bằng và chứng chỉ công nhận trình độ ngoại ngữ thay thế:

Sinh viên được dùng các văn bằng và chứng chỉ dưới đây để thay thế cho chứng chỉ ngoại ngữ A2 (2/6) và B1 (3/6):

a. Văn bằng

- Văn bằng tốt nghiệp đại học, cao đẳng tại nước ngoài;

- Văn bằng tốt nghiệp đại học, cao đẳng trong nước mà ngôn ngữ sử dụng toàn phần trong đào tạo là ngoại ngữ không qua phiên dịch;

- Văn bằng tốt nghiệp đại học, cao đẳng ngành ngoại ngữ do các cơ sở đào tạo trong nước, nước ngoài cấp.

b. Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế

- Chứng chỉ IELTS của 3 tổ chức đồng sở hữu: Hội đồng Anh (British Council), Hội đồng Khảo thí tiếng Anh Trường Đại học Cambridge (University of Cambridge ESOL, gọi tắt là Cambridge ESOL) và Tổ chức Phát triển Giáo dục Quốc tế của Úc (IDP Education Australia, gọi tắt là IDP);

- Chứng chỉ TOEFL iBT của Viện Khảo thí giáo dục Hoa Kỳ (Educational Testing Service, gọi tắt là ETS);

- Chứng chỉ tiếng Anh của Cambridge ESOL;

- Chứng chỉ TOEIC của ETS kiểm tra 4 kỹ năng;

- Các chứng chỉ ngoại ngữ khác phải được Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế thẩm định.

3. Các đơn vị cấp chứng chỉ Ngoại ngữ A2, B1 có giá trị để xét điều kiện tốt nghiệp gồm:

- Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế;

- Đại học Thái Nguyên;

- Trường ĐH Ngoại ngữ thuộc ĐH Quốc gia Hà Nội;

- Trường ĐH Ngoại ngữ thuộc ĐH Đà Nẵng;

- Trường ĐH Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh.

4. Thời gian có hiệu lực của các chứng chỉ ngoại ngữ

Các chứng chỉ ngoại ngữ Quốc tế và chứng chỉ A2, B1 phải được cấp sau

khi sinh viên có giấy báo trúng tuyển vào Đại học Huế hoặc còn hiệu lực đến thời điểm xét tốt nghiệp.

5. Ngoại ngữ được đào tạo

- Sinh viên được chọn một trong các ngoại ngữ sau: tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Trung Quốc, tiếng Nhật, tiếng Hàn Quốc, tiếng Nga.

- Nếu chương trình đào tạo của ngành đã quy định ngôn ngữ cho học phần ngoại ngữ chuyên ngành thì sinh viên phải học ngoại ngữ không chuyên theo ngôn ngữ đã quy định.

TT Huế, ngày 29 tháng 12 năm 2017

Trưởng phòng Đào tạo Đại học	Trưởng phòng Đào tạo Sau Đại học	Trưởng phòng Công tác Sinh viên	**HIỆU TRƯỞNG**
PGS.TS. Nguyễn Trường An	**PGS.TS. Hoàng Bùi Bảo**	**TS. Nguyễn Văn Hùng**	**GS.Cao Ngọc Thành**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
ĐẠI HỌC HUẾ

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu mẫu 21

THÔNG BÁO

Công khai cam kết chất lượng đào tạo thực tế của cơ sở giáo dục đại học năm học 2017-2018

Đơn vị báo cáo: Phòng ĐH, SĐH, CTSV

TT	Nội dung	Khóa học/ Năm tốt nghiệp	Số sv đã nhập học	Số sv tốt nghiệp năm 2017	Phân loại tốt nghiệp (%)			Tỷ lệ SVTN có việc làm sau 1 năm ra trường (TN năm 2016)
					Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá	
I	**Đại học chính quy**							
a	**Chương trình đại trà**							
1	Y đa khoa	2011/2017	623	576	0,00	21,70	59,55	89,3
2	Răng hàm mặt	2011/2017	64	59	0,00	50,85	47,46	86,7
3	Y học dự phòng	2011/2017	200	177	1,10	28,25	64,41	95,2
4	Y học cổ truyền	2011/2017	51	46	0,00	45,65	52,18	97,3
5	Dược học	2012/2017	184	165	0,00	20,61	44,85	86,7
6	Điều dưỡng đa khoa	2013/2017	115	109	0,00	2,75	74,32	71,4
7	Kỹ thuật xét nghiệm	2013/2017	105	60	0,00	31,67	68,33	100
8	Kỹ thuật hình ảnh	2013/2017		36	0,00	19,44	75,00	100
9	Y tế công cộng	2013/2017	53	45	2,20	6,67	80,00	96,2
II	**Sau đại học**							
A	**Chương trình liên kết**							
1	Thạc sĩ công nghệ Y sinh học với đại học Sassari, Ý	2015/2017	9	9				100%
2	Thạc sĩ Điều dưỡng với Đại học KhonKaen, Thái Lan	Bắt đầu TS năm 2017						
3	Tiến sĩ y sinh học với đại học Tartu, Estonia	Bắt đầu TS năm 2017						
B	**Chương trình đại trà**							
a	**Cao học**							
1	Nội khoa	2015/2017	34	33	0,00	72,73	27,27	100%
2	Ngoại khoa	2015/2017	23	21	0,00	23,81	76,19	100%
3	Sản phụ khoa	2015/2017	9	10	0,00	40,00	60,00	100%
4	Nhi khoa	2015/2017	23	20	0,00	60,00	40,00	100%
5	Y tế công cộng	2015/2017	12	13	0,00	15,38	84,62	100%

TT	Nội dung	Khóa học/ Năm tốt nghiệp	Số sv đã nhập học	Số sv tốt nghiệp năm 2017	Phân loại tốt nghiệp (%)			Tỷ lệ SVTN có việc làm sau 1 năm ra trường (TN năm 2016)
					Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá	
6	Y học chức năng	2015/2017	11	9	0,00	33,33	66,67	100%
7	Chẩn đoán hình ảnh	2015/2017	15	12	0,00	83,33	16,67	100%
8	Huyết học – Truyền máu	2015/2017	1	1	0,00	100,00	0,00	100%
9	Tai mũi họng	2015/2017	9	7	0,00	57,14	42,86	100%
10	Răng Hàm Mặt	2015/2017	7	7	0,00	42,86	57,14	100%
11	Y học cổ truyền	Bắt đầu TS năm 2017						
12	Dược lý dược lâm sàng	Bắt đầu TS năm 2017						
b	**Nội trú**							
1	Nội khoa	2014/2017	16	15	0,00	100,00	0,00	100%
2	Ngoại khoa	2014/2017	12	13	0,00	38,46	61,54	100%
3	Sản phụ khoa	2014/2017	4	4	0,00	75,00	25,00	100%
4	Nhi khoa	2014/2017	13	13	0,00	91,67	8,33	100%
5	Nhãn khoa	2014/2017	1	1	0,00	100,00	0,00	100%
6	Tai Mũi Họng	2014/2017	3	3	0,00	66,67	33,33	100%
7	Chẩn đoán hình ảnh	2014/2017	5	5	0,00	100,00	0,00	100%
8	Huyết học-Truyền máu							
9	Y học cổ truyền	Bắt đầu TS năm 2017						
10	Răng hàm mặt	Bắt đầu TS năm 2017						
11	Ung thư	Bắt đầu TS năm 2017						
12	Gây mê hồi sức	Bắt đầu TS năm 2017						
c	**Nghiên cứu sinh**							
1	Nội Tiêu hóa	2017	1	1				100%
2	Nội tiết	2017	2					100%
3	Nội Tim mạch	2017	3	2				100%
4	Nội Thận - Tiết niệu	2017		1				100%
5	Ngoại Tiêu hóa	2017		2				100%
6	Ngoại Tiết niệu	2017	1					100%
7	Sản Phụ khoa	2017		3				100%
8	Chẩn đoán Hình ảnh	2017						100%
9	Y tế Công cộng	2017	2	2				100%
10	Nhi khoa	2017	4					100%

TT	Nội dung	Khóa học/ Năm tốt nghiệp	Số sv đã nhập học	Số sv tốt nghiệp năm 2017	Phân loại tốt nghiệp (%)			Tỷ lệ SVTN có việc làm sau 1 năm ra trường (TN năm 2016)
					Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá	
d	**Chuyên khoa cấp I các chuyên ngành**	2017	217	216		20,37	67,13	100%
e	**Chuyên khoa cấp II các chuyên ngành**	2017	105	102		57,84	42,16	100%

Thừa Thiên Huế, ngày 29 tháng 12 năm 2017

Trưởng phòng Đào tạo Đại học	Trưởng phòng Đào tạo Sau Đại học	Trưởng phòng Công tác Sinh viên	**HIỆU TRƯỞNG**
PGS.TS. Nguyễn Trường An	PGS.TS. Hoàng Bùi Bảo	TS. Nguyễn Văn Hùng	**GS. Cao Ngọc Thành**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC ĐẠI HỌC HUẾ

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc

Biểu số 22

THÔNG BÁO

Công khai cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục đại học năm 2017-2018

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Tổng số
I	**A. Diện tích đất đai**	ha	19,5585
1	Đất 06 Ngô Quyền	m2	47.544,8
2	Khu đất An Vân Dương	m2	85.000
3	Khu đất Trường Bia	m2	27.300
4	Khu đất Phú Vang	m2	10.000
5	Khu đất quy hoạch Nam Vỹ Dạ	m2	25.740
	B. Diện tích đất sử dụng chung Đại học Huế	ha	11,5550
1	Khoa Giáo dục thể chất tại 52 Hồ Đắc Di	m2	16.614,6
2	Trung tâm học liệu số 20 Lê Lợi	m2	3.936,9
3	Trung tâm giáo dục quốc phòng tại số 161	m2	48.967
4	Trung tâm phục vụ SV (03 khu vực)	m2	46.031,1
II	**Diện tích sàn xây dựng**	m2	35.459
1	**Giảng đường**		
	Số phòng	Phòng	85
	Tổng diện tích	m2	8.779
2	**Phòng học máy tính**		
	Số phòng	Phòng	4
	Tổng diện tích	m2	278,61
3	**Phòng học Ngoại ngữ**		
	Số phòng	Phòng	10
	Tổng diện tích	m2	Dùng chung các GĐ, phòng học của Trường
4	**Thư viện**	m2	3.187
5	**Phòng thí nghiệm**		
	Số phòng	Phòng	78
	Tổng diện tích	m2	5.359
6	**Xưởng thực tập, thực hành**		
	Số phòng	Phòng	Bệnh viện trường Đại học Y Dược
	Tổng diện tích	m2	16.273
7	**Ký túc xá thuộc cơ sở đào tạo quản lý**		*Dùng chung cơ sở Đại học Huế*
	Số phòng	Phòng	573
	Tổng diện tích	m2	36.092
8	**Diện tích nhà ăn của cơ sở Đào tạo**	m2	344
9	**Diện tích khác:**	m2	1.237,9
	Diện tích hội trường	m2	1.237.9 (Dùng chung cho GĐ, phòng học của trường)
	Diện tích nhà văn hóa	m2	*Dùng chung cơ sở Đại học Huế*
	Diện tích nhà thi đấu đa năng	m2	*Dùng chung cơ sở Đại học Huế*
	Diện tích bể bơi	m2	*Dùng chung cơ sở Đại học Huế*
	Diện tích sân vận động	m2	*Dùng chung cơ sở Đại học Huế*

Thừa Thiên Huế, ngày 29 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu	Trưởng phòng QT-CSVC	HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Đức Tùng Phương	Hồ Ngọc Phước	GS.Cao Ngọc Thành

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu mẫu 23

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu
của cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng năm học 2017-2018

Đơn vị báo cáo: Phòng TC-HC

Đơn vị tính: Người

	Nội dung	Tổng số	Chức danh		Trình độ đào tạo				
			Giáo sư	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	CKII	CKI
	TỔNG SỐ	**440**	**8**	**61**	**49**	**199**	**108**	**10**	**5**
I	**KHOA**								
1	Khoa Dược	**37**	0	2	3	25	7	0	0
2	Khoa Răng Hàm Mặt	**34**	0	1	5	12	15	1	0
3	Khoa Điều dưỡng	**21**	0	2	2	11	6	0	0
4	Khoa Y học cổ truyền	**15**	0	1	1	0	11	2	0
5	Khoa Y Tế công cộng	**33**	0	6	5	17	4	1	0
6	Khoa Cơ bản	**19**	0	0	1	16	2	0	0
II	**BỘ MÔN**								
1	Bộ môn Ngoại	**28**	1	6	4	14	3	0	0
2	Bộ môn Truyền nhiễm	**8**	0	1	1	2	3	1	0
3	Bộ môn Ung bướu	**9**	0	1	1	2	5	0	0
4	Bộ môn Vi sinh	**8**	0	3	1	4	0	0	0
5	Bộ môn Nội	**30**	5	7	3	9	6	0	0
6	Bộ môn GPB – Pháp y	**8**	0	2	0	4	1	0	1
7	Bộ môn Ký sinh trùng	**4**	0	2	1	0	1	0	0
8	Bộ môn Lao	**4**	0	0	0	2	0	2	0
9	Bộ môn Mô phôi	**5**	0	0	1	3	1	0	0
10	Bộ môn Mắt	**7**	0	1	0	4	2	0	0
11	Bộ môn Phẫu thuật thực hành	**4**	0	1	0	3	0	0	0
12	Bộ môn Phục hồi chức năng	**9**	0	0	0	3	6	0	0
13	Bộ môn Giải phẫu học	**10**	0	1	2	6	1	0	0
14	Bộ môn Gây mê Hồi sức	**11**	0	1	2	5	1	0	2
15	Bộ môn Dược lý	**8**	0	2	0	5	0	1	0
16	Bộ môn Di truyền y học	**6**	0	2	1	3	0	0	0
17	Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh	**17**	0	2	2	8	5	0	0
18	Bộ môn Nhi	**19**	0	5	1	9	4	0	0
19	Bộ môn Miễn dịch – SL bệnh	**9**	1	2	1	2	3	0	0
20	Bộ môn Tâm thần	**6**	0	0	1	1	4	0	0
21	Bộ môn Tai Mũi Họng	**10**	0	3	0	5	2	0	0
22	Bộ môn Huyết học	**7**	0	1	2	3	0	1	0
23	Bộ môn Da liễu	**6**	0	0	0	3	2	0	1
24	Bộ môn Sản	**21**	1	4	3	10	3	0	0
25	Bộ môn Sinh hoá	**10**	0	1	2	4	2	0	1
26	Bộ môn Sinh lý	**7**	0	1	3	3	0	0	0
27	Bộ môn Cấp cứu đa khoa	**4**	0	0	0	0	3	1	0
28	Bộ môn Y học gia đình	**6**	0	0	0	1	5	0	0

Ghi chú: Các TSKH và Tiến sỹ nếu đã tính trong số giáo sư và phó giáo sư thì không tính trùng trong cột Tiến sỹ nữa

TT Huế, Ngày 29 Tháng 11 năm 2017

Người lập biểu	P. Trưởng phòng TC-HC	HIỆU TRƯỞNG
Lê Tự Quốc Khoa	ThS. Lê Hồng Phúc	GS. Cao Ngọc Thành

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu mẫu 24

THÔNG BÁO

Công khai tài chính của cơ sở giáo dục đại học

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Học phí 1 sv/năm
I	**Học phí hệ chính quy chương trình đại trà năm học 2017-2018**	**Triệu đồng / năm**	
1	Tiến sỹ	Triệu đồng / năm	26,75
2	Thạc sỹ	Triệu đồng / năm	16,05
3	Chuyên khoa Y cấp II	Triệu đồng / năm	26,75
4	Đại học	Triệu đồng / năm	10,7
5	Chuyên khoa Y cấp I	Triệu đồng / năm	16,05
6	Cao đẳng	Triệu đồng / năm	
7	Trung cấp chuyên nghiệp	Triệu đồng / năm	
II	**Học phí hệ chính quy chương trình khác năm học 2017-2018(liên thông chính quy tập trung 4 năm, liên thông từ CĐ lên Đại học)**	**Triệu đồng / năm**	
1	Tiến sỹ	Triệu đồng / năm	
2	Thạc sỹ	Triệu đồng / năm	
3	Chuyên khoa Y cấp II	Triệu đồng / năm	
4	Đại học	Triệu đồng / năm	10,7
5	Chuyên khoa Y cấp I	Triệu đồng / năm	
6	Cao đẳng	Triệu đồng / năm	
7	Trung cấp chuyên nghiệp	Triệu đồng / năm	
III	**Học phí hệ vừa học vừa làm tại trường năm học 2017-2018**	**Triệu đồng / năm**	
1	Tiến sỹ	Triệu đồng / năm	
2	Thạc sỹ	Triệu đồng / năm	
3	Chuyên khoa Y cấp II	Triệu đồng / năm	
4	Đại học	Triệu đồng / năm	9,63
5	Chuyên khoa Y cấp I	Triệu đồng / năm	
6	Cao đẳng	Triệu đồng / năm	
7	Trung cấp chuyên nghiệp	Triệu đồng / năm	
IV	**Tổng thu năm 2016**	**Tỷ đồng**	**159,543**
1	Từ ngân sách	Tỷ đồng	38,659
2	Từ học phí, lệ phí	Tỷ đồng	109,635
3	Từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ	Tỷ đồng	2,640
4	Từ nguồn khác	Tỷ đồng	8,609

Thừa Thiên Huế, ngày 29 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu	Trưởng phòng KH-TC	HIỆU TRƯỞNG
Trần Thị Minh Hảo	Lê Thị Thu Hằng	GS.Cao Ngọc Thành

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do -Hạnh phúc

BIỂU TỔNG HỢP

Một số thông tin công khai của cơ sở giáo dục đại học

- Hình thức công khai: **Tại trường và trên website**
- Địa chỉ web: www.huemed-univ.edu.vn

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Tổng số
1	**Số ngành trường đang đào tạo**	***ngành***	**9**
1.1	*Đại học*	*ngành*	9
1.2	*Cao đẳng*	*ngành*	0
2	**Số ngành trường đã công bố chuẩn đầu ra**	***ngành***	**9**
2.1	*Đại học*	*ngành*	**9**
2.2	*Cao đẳng*	*ngành*	**0**
3	**Diện tích đất của trường**	***ha***	**19.55848**
4	**Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo**	***m^2***	**35,459**
4.1	*Diện tích giảng đường/phòng học*	*m^2*	8,779
4.2	*Diện tích phòng máy tính*	*m^2*	278.61
4.3	*Diện tích thư viện*	*m^2*	3,187
4.4	*Diện tích phòng thí nghiệm*	*m^2*	5,359
4.5	*Diện tích nhà xưởng thực hành*	*m^2*	16,273
4.6	*Diện tích nhà ăn*	*m^2*	344
4.7	*Diện tích Hội trường*	*m^2*	1,237.9
5	**Diện tích sàn xây dựng ký túc xá của trường**	***m^2***	*Dùng chung cơ sở Đại học Huế*
6	**Tổng số giảng viên cơ hữu, hợp đồng dài hạn**	***người***	**440**
6.1	*Giáo sư*	*người*	8
6.2	*Phó giáo sư*	*người*	61
6.3	*Tiến sỹ*	*người*	49
6.4	*Thạc sỹ*	*người*	199
6.5	*Chuyên khoa Y cấp I + II*	*người*	15
6.6	*Đại học*	*người*	108
6.7	*Cao đẳng*	*người*	0
6.8	*Trình độ khác*	*người*	0
7	**Tổng số học viên, sinh viên, học sinh hệ chính quy**	***người***	**11,111**
7.1	*Nghiên cứu sinh*	*người*	104
7.2	*Cao học*	*người*	391
7.3	*Bác sĩ Nội trú*	*người*	199
7.4	*Chuyên khoa Y cấp II*	*người*	294
7.5	*Chuyên khoa Y cấp I*	*người*	827
7.6	*Đại học (hệ chính quy)*	*người*	8,311
7.7	*Đại học (hệ liên thông chính quy)*	*người*	985

8	**Tỷ lệ giảng viên cơ hữu từ thạc sỹ trở lên**	**%**	**75,45**
9	**Tổng thu năm 2016**	***tỷ đồng***	**159,543**
9.1	*Từ ngân sách nhà nước*	*tỷ đồng*	38,659
9.2	*Từ học phí, lệ phí*	*tỷ đồng*	109,635
9.3	*Từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ*	*tỷ đồng*	2,640
9.4	*Từ nguồn khác*	*tỷ đồng*	8,609

Lưu ý: Các TSKH và Tiến sỹ nếu đã tính trong mục Giáo sư (6.1), Phó giáo sư (6.2) thì không tính trong mục Tiến sỹ (6.3) nữa.

TT Huế, ngày 29 tháng 12 năm 2017

Người tổng hợp biểu

ThS. Nguyễn Văn Thanh

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
ĐẠI HỌC HUẾ

GS. Cao Ngọc Thành